

Triết học ngôn ngữ Bakhtin

Ngô Minh Thủy^{1,*}, Ngô Tự Lập²

¹ Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Phương Đông, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

² Khoa Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài : 26 tháng 2 năm 2012, Nhận đăng : 4 tháng 6 năm 2012

Tóm tắt. Trong tàng thư khá ít ỏi về triết học ngôn ngữ, các tác phẩm của nhóm Bakhtin - đặc biệt là cuốn "Chủ nghĩa Marx và triết học ngôn ngữ" của V.N. Voloshinov – thuộc loại quan trọng nhất. Được dịch ra các thứ tiếng phương Tây trong những năm 1970, lý thuyết ngôn ngữ của nhóm Bakhtin ngày càng có nhiều ảnh hưởng. Bài viết này khảo sát cách tiếp cận ngôn ngữ của nhóm Bakhtin thông qua tác phẩm của V.N. Voloshinov nêu trên.

Từ khoá: triết học ngôn ngữ, Bakhtin, Voloshinov, nhóm Bakhtin, tính đối thoại của ngôn ngữ.

Trong ngành ngôn ngữ học, những nghiên cứu sớm nhất mà ngày nay chúng ta được biết đến là của người Ấn Độ liên quan đến tiếng Phạn (Sanskrit) nhằm phân tích, chú giải và truyền giảng Kinh Vệ Đà (Veda). Tác phẩm nghiên cứu ngôn ngữ cổ nhất còn giữ được là của Panini (khoảng 520-460 TCN), trong đó ông tổng kết thành tựu nghiên cứu của các thế hệ đi trước và đưa ra gần 4000 quy tắc ngữ pháp chính của tiếng Phạn.

Ở phương Tây, ngôn ngữ học bắt đầu như là một bộ phận của triết học. Những luận giải sớm nhất về ngôn ngữ còn giữ được đến ngày nay có thể tìm thấy trong tác phẩm *Cratylus* của Plato với những luận giải về mối liên hệ giữa ngôn từ và sự vật xoay quanh câu hỏi sau: nghĩa của từ là quy ước, là sản phẩm của thần thánh, hay có nguồn gốc tự nhiên? Nghiên cứu ngôn ngữ sau

đó được tiếp tục trong tác phẩm của Aristotle và các nhà Ngữ pháp học (grammarians). Cũng giống như ở Ấn Độ, nghiên cứu ngôn ngữ ở Hy Lạp có liên hệ tới việc chú giải các anh hùng ca.

Ferdinand de Saussure (1857 – 1913), với *Cours de linguistique générale* (Giáo trình ngôn ngữ học đại cương) do học trò in năm 1916 sau khi ông mất, được công nhận rộng rãi như là cha đẻ của ngôn ngữ học hiện đại. Lý thuyết của Saussure có ảnh hưởng to lớn trong thế kỷ XX, không chỉ đối với ngôn ngữ học mà cả với nhiều ngành khoa học xã hội nhân văn khác, nhưng đồng thời cũng là đối tượng phê phán của nhiều nhà nghiên cứu, trong đó thuyết phục nhất chính là những phê phán của nhóm Bakhtin¹, đặc biệt là cuốn «Chủ nghĩa Marx và

*Tác giả liên hệ: +84-972 709 961
Email : ngothuy65@gmail.com

(1) Terry Eagleton viết trong bài "I Contain Multitudes", gọi Bakhtin "ngôi sao của Phương Tây hậu hiện đại": "...hầu như không có chủ đề hậu hiện đại thời thượng nào mà chưa Bakhtin dự cảm trước. Diễn ngôn, tính lai, tính khác, tình dục, nổi loạn, biến thái,

triết học ngôn ngữ» của Voloshinov V.N. (ВОЛОШИНОВ В.Н. "Марксизм и философия языка", Ленинград : Прибой, 1930). Dưới đây là cách tiếp cận ngôn ngữ và những luận điểm cơ bản của nhóm Bakhtin thể hiện trong tác phẩm này.

1. Quan điểm của nhóm Bakhtin về các xu hướng triết học ngôn ngữ đương thời

1.1 Hai xu hướng của tư tưởng triết học ngôn ngữ

Trong chương 1, phần II, của tác phẩm «Chủ nghĩa Marx và triết học ngôn ngữ», Voloshinov phân tích một cách tổng quát các xu hướng lớn của tư duy triết học về ngôn ngữ học vào những thập niên đầu tiên của thế kỷ XX. Ông phân biệt hai xu hướng chính trong việc giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu của ngôn ngữ học, đặc biệt là vấn đề "khu biệt và giới hạn ngôn ngữ như là đối tượng nghiên cứu chuyên biệt». Hai xu hướng đó được

đa hợp, văn hóa đại chúng, thân xác, cái tôi phi trung tâm, tính vật chất của ký hiệu, chủ nghĩa lịch sử, đời thường: nhà tư tưởng hậu cấu trúc sớm này, như cách gọi của Graham Pechey, đã hình dung trước quá nhiều điều về thời đại của chúng ta, đến mức sẽ đáng ngạc nhiên nếu như trong tác phẩm của ông chúng ta không thấy đề cập đến Posh và Becks" (Terry Eagleton, "I Contain Multitudes", London Review of Books, Vol.29, No 12, June 2007, 13-15). Thật ra những điều này đúng hơn nếu dùng để nói chung về nhóm Bakhtin, trong đó ngoài thủ lĩnh Bakhtin M.M. còn có những nhân vật kiệt xuất khác, trước hết là Voloshinov V. N. và Medvedev P.N (Theo I.R. Titunik, tham gia nhóm Bakhtin còn có nhà phê bình văn học L.V. Pumpjanskij, nhà Ấn Độ học M.I. Tubjanskij, nhà sinh vật học I. I. Kanaev, nhà văn Vaginov, nhà nghiên cứu âm nhạc I. I. Sollertinskij). (Titunik, I.R., "The Formal Method and the Sociological Method (M.M. Bakhtin, P.N. Medvedev, V.N. Voloshinov) in Russian Theory and Study of Literature", trong V.N. Voloshinov "Marxism and the Philosophy of Language", Seminar Press, New York: 1973, pp. 175-200.).

Voloshinov gọi là «*chủ nghĩa chủ quan cá nhân*» và «*chủ nghĩa khách quan trừu tượng*».

a) *Chủ nghĩa chủ quan cá nhân*, như Voloshinov phân tích, coi hành động sáng tạo lời nói cá nhân là cơ sở, và coi tâm lý cá nhân là cội nguồn của ngôn ngữ. Vì thế, nhiệm vụ của ngôn ngữ học, nói cho cùng, quy về việc nghiên cứu các quy luật tâm lý- cá nhân trong hoạt động sáng tạo ngôn ngữ. «Ngôn ngữ, từ quan điểm này - Voloshinov viết- tương tự như các hiện tượng tư tưởng khác, đặc biệt là nghệ thuật và hoạt động thẩm mỹ».

Voloshinov tóm tắt quan điểm chính của xu hướng thứ nhất về ngôn ngữ qua bốn luận điểm chính mà chúng tôi trích nguyên văn dưới đây:

1) *Ngôn ngữ là một hoạt động, một quá trình tạo lập không ngừng (energeia), được thực hiện bởi các hành động nói cá nhân;*

2) *Các quy luật sáng tạo ngôn ngữ về bản chất là các định luật tâm lý-cá nhân;*

3) *Sự sáng tạo ngôn ngữ - đó là một sự sáng tạo có ý thức, tương tự như nghệ thuật;*

4) *Ngôn ngữ, với tư cách một sản phẩm đã hoàn thành (ergon), một hệ thống ngôn ngữ ổn định (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm), có thể coi là một thứ trầm tích đã chết, một thứ dung nham đã đông cứng của sáng tạo ngôn ngữ, được ngôn ngữ học kiên cố hóa một cách trừu tượng để phục vụ cho mục đích học tiếng với tư cách một công cụ đã làm sẵn. (In nghiêng của Voloshinov trong nguyên bản). (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 49)*

Người đặt nền móng và cũng là đại diện xuất sắc nhất của «*chủ nghĩa chủ quan cá nhân*», theo Voloshinov, là Wilhelm Humboldt.

b) *Chủ nghĩa khách quan trừu tượng*, trái lại, cho rằng trung tâm tổ chức của các hiện tượng ngôn ngữ không phải là tâm lý cá nhân của người nói, mà là «*hệ thống ngôn ngữ, như là một hệ thống các hình thức ngữ âm, ngữ*

pháp và từ vựng của ngôn ngữ». Voloshinov viết: «Nếu như đối với xu hướng thứ nhất, ngôn ngữ là cái dòng chảy không ngừng của hành động nói, trong đó không có gì là ổn định và tự đồng nhất, thì với xu hướng thứ hai, ngôn ngữ - đó là một chiếc cầu vồng cố định bên trên dòng chảy ấy» ((ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 53). Theo quan điểm của xu hướng thứ hai, mặc dù mỗi phát ngôn là duy nhất, nhưng nó đồng thời cũng có những yếu tố ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa *đồng nhất, lặp đi lặp lại*, và do đó là *quy tắc* cho mọi phát ngôn, đảm bảo sự thống nhất của một ngôn ngữ và sự hiểu của mọi thành viên trong một cộng đồng. Các quy tắc ấy tạo nên một hệ thống ngôn ngữ *hoàn toàn độc lập với các hành động, ý định hay động cơ sáng tạo cá nhân*.

«Từ quan điểm của xu hướng thứ hai không thể nói gì về sự sáng tạo ngôn ngữ có chủ định của cá nhân người nói. Ngôn ngữ đối diện với cá nhân như là thứ quy tắc bất biến và bất khả xâm phạm, mà từ phía cá nhân chỉ có thể chấp nhận. Nếu một cá nhân không tiếp nhận được quy tắc, thì nó không tồn tại với anh ta như một hình thức ngôn ngữ, mà đơn thuần là một khả năng tự nhiên của bộ máy tâm-vật lý cá nhân. Cá nhân tiếp nhận hệ thống ngôn ngữ từ cộng đồng những người nói dưới dạng đã hoàn chỉnh, và mọi thay đổi bên trong hệ thống này nằm ngoài ý thức cá nhân của anh ta. Hành động phát ra một âm thanh bất kỳ chỉ trở thành một hành động ngôn ngữ trong chừng mực nó tương thích với một hệ thống ngôn ngữ - bất biến tại mỗi thời điểm và không thể tranh cãi đối với cá nhân». (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 55-56)

Quan điểm cơ bản của xu hướng thứ hai, «*chủ nghĩa khách quan trừu tượng*», được Voloshinov tóm tắt qua những nguyên lý cơ bản sau đây:

1) *Ngôn ngữ là một hệ thống ổn định bất biến của các hình thức ngôn ngữ tự đồng dạng quy ước, có trước và không bị ảnh hưởng bởi ý thức cá nhân.*

2) *Các quy luật ngôn ngữ về bản chất là các quy luật ngôn ngữ học đặc thù về mối quan hệ giữa các ký hiệu ngôn ngữ bên trong một hệ thống khép kín. Các quy luật này là khách quan đối với mọi ý thức chủ quan.*

3) *Các quy luật liên hệ ngôn ngữ đặc thù không có gì chung với các giá trị tư tưởng (nghệ thuật, nhận thức, v.v.). Các hiện tượng ngôn ngữ không dựa trên động cơ tư tưởng. Giữa từ và ý nghĩa của nó không hề có mối quan hệ duy nhất nào có thể hiểu bằng tri thức, cũng không có quan hệ nào về mặt nghệ thuật.*

4) *Các hành động nói cá nhân, nhìn từ quan điểm ngôn ngữ, chỉ là các khúc xạ và biến thể hoặc đơn thuần là biến dạng ngẫu nhiên của các hình thức đồng dạng quy ước nhưng chính những hành động nói cá nhân này giải thích sự thay đổi lịch sử của các hình thức ngôn ngữ - mà, trên thực tế, nhìn từ quan điểm hệ thống ngôn ngữ, là phi lý và vô nghĩa. Giữa hệ thống ngôn ngữ và lịch sử của nó không có liên hệ, cũng không có điểm chung về động cơ. Chúng xa lạ với nhau.* ((ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 58-59)

Đại diện xuất sắc nhất của chủ nghĩa khách quan trừu tượng là "Trường phái Genève" của Ferdinand de Saussure mà chúng tôi đã đề cập ở trên.

1.2. *Phê phán hai xu hướng triết học ngôn ngữ*

Voloshinov dành trọn vẹn Chương 2 (*Ngôn ngữ, lời nói, phát ngôn*) và Chương 3 (*Tương tác lời nói*) của phần II để phân tích và phê bình hai xu hướng trong tư duy triết học ngôn ngữ (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn).

1.2.1. Phê phán chủ nghĩa khách quan trừu tượng

Voloshinov bắt đầu bằng câu hỏi: «Hệ thống các quy tắc ngôn ngữ tự đồng nhất, nghĩa là hệ thống ngôn ngữ, như cách hiểu của các đại diện của xu hướng thứ hai là có thực đến đâu?» và chỉ ra rằng nếu nhìn nhận một cách thực sự khách quan, câu trả lời là "không tồn tại". Ngôn ngữ là một quá trình hình thành liên tục các quy tắc ngôn ngữ. "Hệ thống đồng đại, do đó, nhìn từ quan điểm khách quan, không tương ứng với bất kỳ thời điểm thực nào của quá trình phát triển lịch sử. Và quả thật, đối với nhà sử học ngôn ngữ, đứng trên quan điểm lịch đại, hệ thống đồng đại là không có thực và chỉ là một thứ sơ đồ ước lệ dùng để ghi lại những sai lệch xảy ra tại mỗi thời điểm thực" (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 67). Hơn thế nữa, theo Voloshinov, hệ thống ngôn ngữ đồng đại thực ra nếu tồn tại thì cũng chỉ từ quan điểm ý thức chủ quan của cá nhân người nói, tức là từ quan điểm của *một thành viên của cộng đồng ngôn ngữ tại một thời điểm lịch sử*. "Chúng ta có thể giả định rằng, khi Caesar viết các tác phẩm của ông, tiếng Latin đối với ông là một hệ thống ổn định và không thể cải biến của các hình thức quy tắc tự đồng nhất, nhưng đối với người nghiên cứu lịch sử tiếng Latin – tại chính thời điểm Caesar đang sáng tác - đó là một quá trình liên tục những biến đổi ngôn ngữ (ngay cả khi sử gia không có khả năng ghi nhận chúng)" (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 67).

Nhưng ngay cả phương thức tồn tại của ngôn ngữ trong ý thức chủ quan của người nói cũng không tồn tại trên thực tế. Hệ thống ngôn ngữ theo cách quan niệm của chủ nghĩa khách quan trừu tượng là sản phẩm tư biện, được thực hiện không phải bởi ý thức của chính người nói ngôn ngữ đó và không phục vụ cho mục đích trực tiếp của sự nói, mà bởi nhà ngôn ngữ học (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 68). Voloshinov

khẳng định: «Đối với người nói, hình thức ngôn ngữ quan trọng không phải như là một **hiệu lệnh** (сигнал) ổn định và luôn luôn tự đồng dạng với chính mình, mà như là một **ký hiệu** (знак) linh hoạt và luôn luôn thay đổi». (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 69)

Cần đặc biệt nhấn mạnh sự phân biệt của Voloshinov giữa **hiệu lệnh** và **ký hiệu**: «Hiệu lệnh (сигнал) là cái cố định nội tại, vật duy nhất, trên thực tế không thay thế cái gì, không phản ánh hoặc khúc xạ cái gì, mà chỉ đơn thuần là một phương tiện kỹ thuật để dẫn chiếu đến vật này hay vật khác (xác định và cố định) hoặc đến hành động này hay hành động khác (cũng xác định và cố định!) Hiệu lệnh trong bất cứ trường hợp nào cũng không thuộc về lĩnh vực tư tưởng, hiệu lệnh thuộc về thể giới của những đồ vật kỹ thuật, về các công cụ sản xuất hiệu theo nghĩa rộng. Thậm chí còn xa lạ với lĩnh vực tư tưởng hơn nữa là những hiệu lệnh liên quan đến phản xạ. Các hiệu lệnh này không có bất kỳ mối liên quan nào đến kỹ thuật sản xuất, xét trong mối quan hệ với cơ thể của động vật thí nghiệm, tức là, như là ký hiệu đối với nó. Với tư cách như vậy, chúng không phải là hiệu lệnh, mà là một dạng kích thích đặc biệt; chúng chỉ là công cụ sản xuất khi ở trong tay người làm thí nghiệm. Những sai lầm nhận thức đáng buồn và thói quen cố hữu của tư duy máy móc là những lý do duy nhất khiến người ta cố gắng biến những "hiệu lệnh" này thành một thứ gần như là chìa khóa để hiểu ngôn ngữ và tâm lý con người (nội ngôn từ)». (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 69.)

Theo Voloshinov, quá trình hiểu tuyệt đối không phải là một quá trình *nhận biết hiệu lệnh*, mà là quá trình *hiểu ký hiệu*. "Chừng nào một hình thức ngôn ngữ nào đó còn là đơn thuần là hiệu lệnh và hiệu lệnh đó được nhận biết bởi người hiểu, thì đối với anh ta nó hoàn toàn chưa phải là hình thức ngôn ngữ. Không có tính chất

hiệu lệnh thuần túy ngay cả khi bắt đầu học tiếng. Ngay cả khi đó, hình thức cũng được định hướng trong một bối cảnh cụ thể, và ngay cả khi đó nó đã là một ký hiệu, mặc dù vẫn hiện hữu các yếu tố của tính chất hiệu lệnh cùng sự nhận biết tương ứng". ((ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 70.)

Thế nào là hiểu? Lý giải của Voloshinov có thể nói là thiên tài: ý thức ngôn ngữ của người nói/nghe – hiểu trong thực tế không liên hệ với hệ thống trừu tượng các hình thức quy tắc tự lặp lại của ngôn ngữ, mà với ngôn ngữ nói, tức là với tập hợp các ngữ cảnh có thể sử dụng một hình thức ngôn ngữ. "Từ, đối với người bản ngữ, không phải là một mục từ trong từ điển, mà là một từ đã được sử dụng trong vô số các phát ngôn của đồng thành viên A, đồng thành viên B, đồng thành viên C v.v., và được chính người đó dùng trong các phát ngôn đa dạng của mình. Cần phải có một sự định hướng cụ thể, đặc biệt, nếu muốn đi từ đây đến một từ tự lặp lại trong hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ nhất định – nghĩa là đến một từ trong từ điển từ. Vì vậy, thành viên của một tập thể ngôn ngữ bình thường không bao giờ cảm thấy sự trói buộc của các quy tắc ngôn ngữ bất di bất dịch. Hình thức ngôn ngữ chỉ thể hiện giá trị quy tắc của nó trong những trường hợp xung đột cực kỳ hiếm hoi, không điển hình cho đời sống ngôn ngữ bình thường (đối với con người hiện đại - gần như chỉ có trong ngôn ngữ viết)". (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 71)

Nói cách khác, bất kỳ từ nào cũng có thể có vô số nghĩa tùy thuộc vào ngữ cảnh, và từ điển chỉ đơn thuần là một bản liệt kê một số nghĩa ở nghĩa bối cảnh ít nhiều điển hình trong đời sống mà thôi.

Cội nguồn sai lầm của chủ nghĩa khách quan trừu tượng, như trên đã nói, chính là mục đích thực tế và lý thuyết của việc nghiên cứu

ngôn ngữ các kinh sách, cái mà Voloshinov gọi là *xác chết ngoại ngữ, được bảo quản trong các tượng đài văn bản*. Về bản chất, đó là những ngoại ngữ đã chết. Voloshinov viết: «Nhu vậy, ngoại ngữ- bằng văn bản- đã chết- đó là định nghĩa thực sự của ngôn ngữ trong tư duy ngôn ngữ học» (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 75.)

Voloshinov còn đưa một nhận xét đáng kinh ngạc, bởi vì cho đến nay nó vẫn còn nguyên giá trị thời sự, không chỉ với ngôn ngữ học mà còn có ý nghĩa với công việc của chúng ta trong việc giảng dạy ngôn ngữ nói chung và giảng dạy ngoại ngữ nói riêng. Ông viết: "Sinh ra trong quá trình nghiên cứu nhằm làm chủ thứ ngoại ngữ đã chết, tư duy ngôn ngữ học còn phục vụ một mục đích khác, không phải là nghiên cứu mà là giảng dạy: không phải là giải mã ngôn ngữ, mà là dạy thứ ngôn ngữ đã được giải mã. Các di tích trong các văn bản heuristic được chuyển đổi thành những tài liệu giáo khoa, những hình mẫu cổ điển của ngôn ngữ. Nhiệm vụ cơ bản thứ hai này của ngôn ngữ học – nhiệm vụ tạo ra một bộ máy, cần thiết để dạy thứ ngôn ngữ đã được giải mã, có thể nói như vậy, mã hóa nó hướng theo các mục tiêu của việc giảng dạy – để lại dấu ấn sâu sắc của nó lên tư duy ngôn ngữ học. *Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng* – đó là ba bộ phận của hệ thống ngôn ngữ, ba trung tâm có tổ chức của các phạm trù ngôn ngữ học - đã hình thành trong dòng kênh của hai nhiệm vụ của ngôn ngữ học - *heuristic* và *sur pham*". (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 75.)

1.2.2. Phê phán chủ nghĩa chủ quan cá nhân

Nếu như chủ nghĩa khách quan trừu tượng gắn liền với *chủ nghĩa duy lý* và *chủ nghĩa tân cổ điển*, thì chủ nghĩa chủ quan cá nhân gắn với *chủ nghĩa lãng mạn*. Tuy nhiên, Chủ nghĩa chủ quan cá nhân cũng coi phát ngôn độc thoại

là thực tại cuối cùng, đồng thời là điểm xuất phát của tư duy về ngôn ngữ. Điều khác biệt chỉ là ở chỗ họ coi cái phát ngôn độc thoại ấy là sản phẩm của một hành động hoàn toàn cá nhân, một biểu hiện của ý thức cá nhân. Voloshinov viết: «Định nghĩa đơn giản nhất và thô mộc nhất của nó là: một cái gì đó được hình thành và xác định, bằng cách này hay cách khác, trong tâm lý cá nhân và được thể hiện ra bên ngoài đối với những người khác nhờ một số ký hiệu bên ngoài». (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 85.)

Lý thuyết về biểu hiện của Chủ nghĩa chủ quan cá nhân giả định hai thành tố: *cái được thể hiện* (bên trong) và *sự thể hiện* (bên ngoài, cho những người khác trong cùng một cộng đồng ngôn ngữ tham gia vào cuộc trò chuyện). Voloshinov vạch ra rằng theo lý luận của xu hướng này, toàn bộ sức mạnh sáng tạo và tổ chức biểu hiện, hay nói đúng hơn, toàn bộ sự biểu hiện được tạo nên ở bên trong trước khi di chuyển ra ngoài. Theo đó, nhiệm vụ của nhà ngôn ngữ học là xuất phát từ sự thể hiện bên ngoài rồi thâm nhập vào gốc rễ bên trong của nó để giải thích các hiện tượng ngôn ngữ. Lý thuyết này, theo Voloshinov, sai lầm từ gốc rễ.

"Trải nghiệm – cái được biểu hiện - và sự cụ thể hóa nằm bên ngoài của nó, như chúng ta biết, được tạo ra từ cùng một vật liệu. Bởi lẽ, không có trải nghiệm bên ngoài sự thể hiện bằng ký hiệu. Vì vậy, ngay từ đầu, đã không thể bàn về sự khác biệt nguyên tắc về chất giữa cái bên trong và cái bên ngoài. Hơn thế nữa, trung tâm tổ chức và hình thành [trải nghiệm- NMT và NTL] không nằm bên trong (tức là không ở trong một vật liệu của ký hiệu bên trong), mà ở bên ngoài. Không phải trải nghiệm tổ chức sự biểu hiện, mà ngược lại, *sự biểu hiện tổ chức trải nghiệm*, lần đầu tiên mang lại cho nó một hình thức và tính định hướng". (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 86)

Mọi phát ngôn đều được xác định bởi các điều kiện thực tế, đặc biệt là *bối cảnh xã hội gần nhất*. Hơn thế nữa, mọi phát ngôn đều được tạo ra giữa những cá nhân có tổ chức về mặt xã hội- ngay cả trong trường hợp không có người nghe thực sự. Khi đó, luôn luôn có một người nghe được người nói/viết hình dung như là đại diện điển hình của một nhóm xã hội nhất định. Những nhận định về từ của Voloshinov cực kỳ tinh tế: "Từ luôn định hướng tới người nghe, định hướng tới điều sau: *ai* là người nghe – người đó có thuộc về cùng một nhóm xã hội hay không, địa vị cao hơn hay thấp hơn (địa vị xã hội của người đối thoại), có hay không liên quan đến người nói bởi một mối quan hệ xã hội gần gũi (cha, anh em, chồng v.v.). Không thể có cái gọi là người đối thoại trừu tượng, có thể nói vậy, bởi vì, nếu có, người đó và chúng ta sẽ không có một ngôn ngữ chung, cho dù là theo nghĩa đen hay nghĩa bóng (...) Thế giới bên trong và sự tư duy của mỗi người đều có một *khán giả xã hội* ổn định của mình, trong môi trường đó mọi suy luận, động cơ nội tâm, đánh giá v.v. được hình thành. Người càng có văn hóa thì khán giả xã hội này càng gần hơn với khán giả bình thường của sự sáng tạo tư tưởng, nhưng trong mọi trường hợp, người đối thoại lý tưởng không thể ra khỏi biên giới của một giai cấp nhất định và một thời đại nhất định. (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 86-87)

Như vậy, theo Voloshinov, từ không phải là một âm thanh cụ thể trong một hệ thống và tương ứng với một sự vật ổn định nào đó, mà được xác định như nhau bởi cả hai yếu tố, *của ai và cho ai*. Với tư cách là một từ, nó đích thị là *sản phẩm của mối quan hệ của người nói và người nghe*. Mỗi từ đều biểu hiện "một người" trong quan hệ với một "người khác". (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 87)

Cá nhân người nói, Voloshinov khẳng định, về bản chất là một sản phẩm của các mối quan

hệ xã hội. Điều này rất đúng với khẳng định nổi tiếng của Marx: "Con người là tổng hòa của các quan hệ xã hội". Những trải nghiệm bên trong của các cá nhân cũng là một địa hạt xã hội. Nói như Voloshinov, toàn bộ quá trình biểu hiện, từ trải nghiệm bên trong tới sự cụ thể hóa bên ngoài của nó dưới dạng "phát ngôn", đều nằm trọn trong địa hạt xã hội. Chỉ có tiếng kêu bản năng của động vật mới có thể được coi là sản phẩm của bộ máy sinh lý của cá thể, còn ngay cả những phát ngôn thô sơ nhất của con người đã mang tính xã hội, đã được tổ chức trong các điều kiện xã hội bên ngoài cơ thể. Phát ngôn, như vậy, hoàn toàn không phải là một sản phẩm của cá nhân, mà là sản phẩm của tương tác xã hội. Voloshinov khẳng định: «Như vậy, cần phải từ bỏ lý thuyết biểu hiện, nền tảng của chủ nghĩa chủ quan cá nhân. *Trung tâm tổ chức của mọi phát ngôn, mọi sự biểu hiện không phải ở bên trong, mà ở bên ngoài: ở môi trường xã hội bao quanh cá nhân (...)* Chủ nghĩa cá nhân chủ quan đúng khi cho rằng các phát ngôn đơn lẻ là thực tại cụ thể đích thực của ngôn ngữ và rằng ý nghĩa sáng tạo trong ngôn ngữ thuộc về chúng. Nhưng chủ nghĩa chủ quan cá nhân *sai lầm* bỏ qua và không hiểu bản chất xã hội của phát ngôn và cố gắng kéo nó ra từ thế giới nội tâm của người nói như là một biểu hiện của thế giới nội tâm này». (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 95)

Như vậy, cả hai xu hướng tư duy về ngôn ngữ trước Bakhtin đều chưa có khả năng cho ta một cách tiếp cận biện chứng đối với ngôn ngữ thực tế, một hiện tượng mang bản chất xã hội sâu sắc và không ngừng phát triển.

2. Những luận điểm cơ bản trong triết học ngôn ngữ Bakhtin

2.1. Đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học

Xác định đối tượng nghiên cứu là nhiệm vụ đầu tiên của mọi ngành khoa học, ngôn ngữ học và triết học ngôn ngữ cũng không phải là ngoại lệ. "Ở chặng đầu của bước đường nghiên cứu, cái cần xây dựng không phải là một định nghĩa, mà là các chỉ dẫn phương pháp luận: trước tiên cần phải xác định đối tượng thực sự - cần phải khu biệt đối tượng nghiên cứu với thực tiễn xung quanh và sơ bộ vạch ra ranh giới của nó. Khi bắt đầu bước đường nghiên cứu, các ý tưởng, công thức và định nghĩa không quan trọng bằng việc nắm bắt trực diện – bằng mắt, bằng tay – đối tượng nghiên cứu trong thực tế". (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 46)

Việc xác định đối tượng nghiên cứu thực sự của triết học ngôn ngữ trên thực tế không phải là một công việc dễ dàng như thoát nhìn. Như Voloshinov phân tích, nếu chúng ta chỉ chú ý đến ngữ âm như là một *hiện tượng âm thanh* thuần túy, ngay cả khi chúng ta thêm vào đó *quá trình sinh lý sản xuất và tiếp nhận* âm thanh, thì đó sẽ là một đối tượng nghiên cứu của vật lý học. Ngôn ngữ chỉ có thể nảy sinh trong giao tiếp xã hội có tổ chức. «Để quan sát quá trình cháy, cần phải đặt chất cháy vào môi trường không khí - Voloshinov viết - Để quan sát một hiện tượng ngôn ngữ, cần phải đặt các chủ thể phát và nghe âm thanh, cũng như chính âm thanh, vào bầu không khí xã hội. Bởi lẽ, người nói và người nghe phải thuộc về cùng một cộng đồng ngôn ngữ, cùng một xã hội có tổ chức nhất định. Tiếp nữa, cả hai cá nhân của chúng ta phải ở trong cùng một bối cảnh xã hội gần gũi, tức là, họ phải có liên hệ với nhau, với tư cách con người với con người, trên cùng một cơ sở nhất định. Chỉ có trên cùng cơ sở nhất

định, thì sự trao đổi bằng lời nói mới có thể diễn ra, bất luận cơ sở chung đó là chung về cái gì, và như ta vẫn thường nói, có tính ngẫu nhiên như thế nào».

Sau khi đưa ra những phê phán rất sâu sắc đối với hai xu hướng của tư duy triết học ngôn ngữ đương thời (Chủ nghĩa khách quan trừu tượng và Chủ nghĩa chủ quan cá nhân), Voloshinov chỉ ra rằng mọi phát ngôn đều chỉ là một điểm trong sự giao tiếp lời nói liên tục, và sự giao tiếp bằng lời nói này cũng chỉ là một điểm trong quá trình phát triển liên tục và mọi mặt của một tập thể xã hội. Vì thế, giao tiếp lời nói chỉ có thể hiểu được trong mối liên hệ với một tình huống cụ thể. «Chính ở đây, chính trong sự giao tiếp cụ thể bằng lời nói, chứ không phải trong hệ thống các hình thức ngôn ngữ, không phải trong tâm lý cá nhân của những người nói, ngôn ngữ sống và phát triển trong lịch sử». (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 97)

Voloshinov kết luận: «Thực tại đích thực của ngôn ngữ -nói không phải là một hệ thống trừu tượng của các hình thức ngôn ngữ, không phải là phát ngôn độc thoại cô lập, và cũng không phải là hành động tâm lý-sinh lý của việc thực hiện nó, mà là sự kiện xã hội của sự tương tác bằng lời nói, được thực hiện bởi các phát ngôn và các phát ngôn. Như vậy, tương tác lời nói chính là thực tại cơ bản của ngôn ngữ". (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 96-97)

2.2. Từ và ý nghĩa của từ: "Chủ đề" và "Ý nghĩa"

Vấn đề về ý nghĩa là một trong những vấn đề cực kỳ khó khăn của ngôn ngữ học. Cả hai xu hướng của tư duy ngôn ngữ, theo quan điểm của Voloshinov mà chúng tôi đã giới thiệu ở phần trước, đều không giải quyết được vấn đề, vì cả hai đều nhìn nhận phát ngôn từ quan điểm *độc thoại, một chiều*. Với Chủ nghĩa chủ quan

cá nhân, phát ngôn độc thoại là một hành động cá nhân, trong đó «một cái gì đó được hình thành và xác định, bằng cách này hay cách khác, trong tâm lý cá nhân và được cụ thể hóa ra bên ngoài cho những cá nhân khác nhờ một số ký hiệu bên ngoài nào đó». (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 87). Với giả định rằng từ có hai thành phần: *cái được biểu hiện* (tức là trải nghiệm cá nhân, ở bên trong) và *sự cụ thể hóa bên ngoài* của nó, lý thuyết biểu hiện sai lầm ở chỗ, họ không hiểu rằng trải nghiệm (cái được biểu hiện) và sự cụ thể hóa bên ngoài (phát ngôn) được tạo ra từ cùng một vật liệu, rằng không phải trải nghiệm tổ chức sự biểu hiện, mà chính *sự biểu hiện tổ chức trải nghiệm*. Nói cách khác, sự biểu hiện (phát ngôn) luôn luôn được xác định bởi các điều kiện thực tế của phát ngôn ấy, đặc biệt là *bối cảnh xã hội gần nhất* chứ không phải bởi các yếu tố tâm-sinh lý bên trong của người nói. (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 87)

«Định hướng của từ tới người nghe có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Về bản chất, từ là một hành động hai mặt. Nó được xác định ở mức độ như nhau bởi cả hai yếu tố, của ai và cho ai. Với tư cách là một từ, nó đích thị là *sản phẩm của mối quan hệ giữa người nói và người nghe*. Mỗi từ đều biểu hiện "một người" trong quan hệ với một "người khác". Trong từ, tôi tạo ra một diện mạo của chính mình bằng lời từ quan điểm của người khác, và nói cho cùng, từ quan điểm của tập thể mà mình là thành viên».

Với Chủ nghĩa khách quan trừu tượng, mà đại diện tiêu biểu là Ferdinand de Saussure, ngôn ngữ là một hệ thống ký hiệu mang tính đồng đại, trong đó mỗi ký hiệu được tạo nên bởi một *cái biểu đạt* (signifier- trong ngôn ngữ nói, đó là âm) tương ứng với một nghĩa (*cái được biểu đạt*, signified). Như chúng ta đã phân tích ở trên, theo Saussure, ý nghĩa từ được quyết định bởi sự khác nhau giữa những *cái*

biểu đạt. Nhưng đó thực ra chỉ là một hư cấu. Khác hẳn quan niệm của Saussure, Voloshinov và Bakhtin phân biệt *Chủ đề* (“nội dung của chính thể phát ngôn”) với *Ý nghĩa* (“một tiềm năng, khả năng có nghĩa trong một chủ đề cụ thể”). Xin trích một đoạn phân tích dài của họ:

"Bất kỳ một phát ngôn nào, như là một *chính thể*, đều có một ý nghĩa xác định và duy nhất, một nội dung duy nhất. Hãy gọi nội dung của tổng thể phát ngôn là *chủ đề* của nó. Chủ đề phải duy nhất, nếu không, chúng ta sẽ không có bất kỳ cơ sở gì để nói về một phát ngôn. Chủ đề của phát ngôn, về bản chất, mang tính cá nhân và không lặp lại, như bản thân phát ngôn. Chủ đề là biểu hiện của tình huống lịch sử cụ thể đã sản sinh ra phát ngôn. Phát ngôn "Mấy giờ rồi?" mỗi lần sử dụng lại có một ý nghĩa khác, và do đó, nói bằng thuật ngữ của chúng ta, có một chủ đề khác, tùy thuộc vào tình huống lịch sử cụ thể (lịch sử ở đây được hiểu với một quy mô rất nhỏ), trong đó nó được phát ra và, về bản chất, nó cũng là một bộ phận cấu thành.

(...) Tuy nhiên, nếu chúng ta tự giới hạn ở tính độc nhất và không lặp lại của từng phát ngôn cụ thể cùng chủ đề của phát ngôn ấy, chúng ta sẽ là những nhà biện chứng tồi. Bên cạnh chủ đề, hay đúng hơn, bên trong chủ đề, phát ngôn còn có *ý nghĩa*. Ý nghĩa, khác với chủ đề, ở đây được quan niệm là tất cả những yếu tố của phát ngôn, được *lặp lại* và *tự đồng nhất* ở tất cả các lần lặp lại. Tất nhiên, những yếu tố này là trừu tượng: chúng không tồn tại độc lập và cụ thể dưới hình thức biệt lập nhân tạo, nhưng đồng thời chúng cũng là bộ phận không thể thiếu, không thể tách rời của phát ngôn. Chủ đề của một phát ngôn, về bản chất, không thể chia tách được. Ý nghĩa của phát ngôn, ngược lại, được chia nhỏ thành ý nghĩa của các yếu tố ngôn ngữ cấu thành nên phát ngôn ấy. Chủ đề không lặp lại của phát ngôn "Mấy giờ rồi?" gắn chặt với một tình huống lịch

sử cụ thể, không thể phân chia thành các yếu tố. Còn ý nghĩa của phát ngôn "Mấy giờ rồi?" - là như nhau, tất nhiên, trong mọi hoàn cảnh lịch sử mà nó được phát ra - được tạo nên từ ý nghĩa của các từ, các hình thức quan hệ hình thái học và cú pháp, ngữ điệu nghi vấn v.v. tham gia cấu thành nên nó". (ВОЛОШИНОВ B.H., đã dẫn, 102-103).

Jacques Derrida về sau cũng phê phán quan điểm của Ferdinand de Saussure. Ông viết: "Khái niệm được biểu đạt không bao giờ hiện diện trong bản thân nó, trong một sự hiện diện đúng mức chỉ dẫn chiếu đến chính nó mà thôi. Mỗi khái niệm bắt buộc và thực chất được gắn với một chuỗi hay một hệ thống, trong đó nó chỉ dẫn chiếu đến một và những khái niệm khác, thông qua sự vận hành hệ thống của những khác biệt" (Derrida Jacques, "Différance." *Literary Theory: An Anthology*. Ed. Julie Rivkin and Michael Ryan. Malden: Blackwell, 1998, 392). Derrida minh họa bằng việc thay chữ "e" trong "**différence**" (Khác biệt) bằng chữ "a" để sáng tạo ra từ "**différance**" đồng âm nhưng khác cách viết. (Trong tiếng Việt chúng ta cũng có thể làm tương tự: thay "c" trong "**Khác biệt**" bằng "k" để thành "**Khák biệt**").

Như vậy, theo Voloshinov, chủ đề là "một hệ thống năng động, phức tạp của các ký hiệu, có xu hướng tương thích với một thời điểm nhất định của quá trình phát triển. Chủ đề - đó là phản ứng của ý thức đang phát triển đối với sự phát triển của thực tại. Ý nghĩa - đó là bộ máy kỹ thuật để thực hiện chủ đề". (ВОЛОШИНОВ B.H., đã dẫn, 103)

2.3. Tính đối thoại: Vấn đề tiếp nhận chủ động

Lý luận về tính đối thoại của ngôn ngữ là một trong những điểm đặc biệt nhất của nhóm Bakhtin và cũng là một trong những điểm khác biệt cơ bản giữa họ với các nhà ngôn ngữ học

thuộc cả hai xu hướng *Cá nhân chủ quan* và *Khách quan trừu tượng*. Bakhtin và Voloshinov chỉ ra rằng phát ngôn độc thoại chỉ là một sự trừu tượng hóa, bị cắt đứt khỏi mọi liên hệ với toàn bộ sự hình thành lịch sử cụ thể của nó, rằng « ý thức ngôn ngữ của người nói và người nghe – hiểu không phải liên hệ với hệ thống trừu tượng các hình thức đồng dạng quy tắc của ngôn ngữ, mà với ngôn ngữ - lời nói, theo nghĩa là tập hợp các ngữ cảnh có thể sử dụng của một hình thức ngôn ngữ nhất định ...*Tách rời ngôn ngữ và nội dung tư tưởng của nó* – đó là một trong những sai lầm sâu sắc nhất của chủ nghĩa khách quan trừu tượng. (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 71)

Theo Voloshinov, mặc dù chủ nghĩa cá nhân chủ quan đã *đúng* khi coi phát ngôn đơn lẻ là thực tại đích thực của ngôn ngữ, rằng không thể tách rời hình thức ngôn ngữ với nội dung tư tưởng của nó, nhưng vẫn chưa hiểu bản chất xã hội của phát ngôn khi cố rút nội dung tư tưởng của từ ra từ các điều kiện của tâm lý cá nhân.

Thật ra, như Voloshinov đã chỉ ra, « Bất kỳ phát ngôn nào, kể cả một phát ngôn bằng văn bản đã hoàn tất, cũng đều đáp lại một cái gì đó và đều trừu tượng để có một lời đáp nào đó ». (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 74). Nói cách khác, ngôn ngữ luôn luôn có tính đối thoại. Hiểu phát ngôn, theo Voloshinov, có nghĩa là tư hướng về nó, tìm cho nó một vị trí thích hợp trong ngữ cảnh, trong quá trình đó chúng ta tìm cho mỗi từ trong phát ngôn một tập hợp các từ đối ứng để lựa chọn. « Như vậy, mỗi yếu tố khả phân mang nghĩa của phát ngôn, và toàn bộ phát ngôn như một tổng thể - được chúng ta phiên dịch sang một ngữ cảnh tương ứng, chủ động khác. *Mọi sự hiểu đều mang tính biện chứng*. Sự hiểu đối lại với phát ngôn, hết như những lời đối đáp trong một cuộc đối thoại. Sự hiểu tìm kiếm cho mỗi từ của người nói một *phản từ*. Chỉ khi có hiểu một từ trong tiếng

nước ngoài ta mới tìm kiếm “chính từ ấy” trong ngôn ngữ của mình mà thôi » . (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 97)

Thêm nữa, mọi phát ngôn, « *đều chỉ là một điểm trong sự giao tiếp lời nói liên tục* » mà « đến lượt nó, cũng chỉ là một điểm trong *quá trình phát triển* liên tục và mọi mặt của một tập thể xã hội nhất định. Từ đó nảy sinh một vấn đề quan trọng: nghiên cứu mối liên hệ của một tương tác lời nói cụ thể với tình huống bên ngoài lời nói, tình huống gần nhất, và qua đó là tình huống rộng lớn hơn. Các hình thức của mối quan hệ này rất khác nhau, và trong mỗi liên hệ với hình thức này hay hình thức khác, những yếu tố khác nhau của tình huống lại có những ý nghĩa khác nhau (ví dụ, các mối quan hệ này khác nhau với các yếu tố khác nhau của tình huống giao tiếp trong nghệ thuật hoặc khoa học). *Giao tiếp lời nói không bao giờ có thể hiểu và diễn giải bên ngoài mối liên hệ với một tình huống cụ thể*. Giao tiếp lời nói đan quyện chặt chẽ với các loại hình giao tiếp khác phát triển trên cùng một nền tảng với chúng - giao tiếp sản xuất ». (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 97.)

Do đó, theo Voloshinov, việc nghiên cứu ngôn ngữ phải tuân theo trình tự sau:

1) Các hình thức và kiểu tương tác lời nói trong mỗi liên hệ với các điều kiện cụ thể của nó;

2) Hình thức của các phát ngôn riêng biệt, các phát biểu riêng biệt trong mỗi liên hệ chặt chẽ với sự tương tác mà trong đó chúng là các yếu tố, tức là, nghiên cứu các loại hình phát biểu trong cuộc sống và sáng tạo tư tưởng được xác định bởi tương tác lời nói;

3) Từ đó, nhìn nhận lại các hình thức ngôn ngữ trong cách giải thích quen thuộc của ngôn ngữ học. (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 99)

2.4. Vấn đề đánh giá: Đánh giá và ý nghĩa

Một vấn đề quan trọng khác cần phải được nhắc đến là vấn đề về *mối tương quan giữa đánh giá và ý nghĩa*. Voloshinov đã chứng minh rằng mọi từ được nói ra đều không chỉ có chủ đề và ý nghĩa, mà còn có sự đánh giá. « Không thể có một phát ngôn mà không có sự đánh giá. Mỗi phát ngôn trước hết là *sự định hướng có đánh giá*. Vì vậy, trong một phát ngôn trong đời sống, mỗi yếu tố đều không chỉ mang ý nghĩa mà còn đánh giá. Chỉ có những yếu tố trừu tượng, được tiếp nhận trong hệ thống ngôn ngữ, chứ không phải trong cấu trúc phát ngôn, mới tỏ ra không có sự đánh giá. Chủ trương chỉ nghiên cứu hệ thống ngôn ngữ trừu tượng còn dẫn đến một thực tế là hầu hết các nhà ngôn ngữ học tách rời sự đánh giá với ý nghĩa, xem nó là phụ, là một yếu tố của ý nghĩa, một sự biểu hiện quan hệ của cá nhân người nói đối với đối tượng của lời nói». (ВОЛОШИНОВ В.Н., đã dẫn, 108)

Tuy không phải mọi đánh giá đều được thể hiện bằng ngữ điệu, nhưng ngữ điệu chính là ví dụ thường gặp nhất về hàm ý đánh giá của từ: cùng một từ, nhưng khi được nói cùng với những ngữ điệu khác nhau sẽ thể hiện sự đánh giá khác nhau. Trong ngôn ngữ mà chúng ta gặp hàng ngày trong đời sống, Voloshinov chỉ rõ, ngữ điệu thường có một ý nghĩa hoàn toàn độc lập với các thành phần mang nghĩa của lời nói. Ngữ điệu cũng có thể có vai trò quan trọng. Voloshinov trích dẫn Dostoevsky, trong "*Nhật ký một nhà văn*": sáu người thợ lần lượt văng tục bằng cùng một từ để nói những điều khác nhau. Dostoevsky viết: « Vậy đây, không nói bất một từ nào khác, họ lần lượt lặp đi lặp lại chỉ một từ, cái từ yêu thích nhất ấy, sáu lần liên tiếp, và hiểu nhau một cách hoàn hảo. Đó là một chuyện thực mà tôi được chứng kiến!"

Muốn hiểu sự hình thành lịch sử của chủ đề và ý nghĩa do nó thực hiện, Voloshinov kết

luận, chúng ta không thể không nghiên cứu sự đánh giá của xã hội.

Trên đây là những điểm chính trong cách tiếp cận ngôn ngữ và các luận điểm quan trọng trong triết học ngôn ngữ của nhóm Bakhtin. Những tư tưởng cực kỳ mới mẻ và sáng tạo của nhóm Bakhtin, dù bị vùi dập và lãng quên trong nhiều thập kỷ ở Liên Xô, ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới, đặc biệt đối với các nhà tư tưởng hậu hiện đại, góp phần quan trọng làm thay đổi bộ mặt học thuật của ngành ngôn ngữ học nói riêng và các ngành khoa học xã hội và nhân văn nói chung trong hai thập niên cuối cùng của thế kỷ XX.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo chính có trích dẫn

- [1] Titunik I.R., *The Formal Method and the Sociological Method* (M.M. Bakhtin, P.N. Medvedev, V.N. Voloshinov) in *Russian Theory and Study of Literature* in V.N. Voloshinov "Marxism and the Philosophy of Language", Seminar Press, New York: 1973, pp. 175-200.
- [2] Terry Eagleton, "I Contain Multitudes", *London Review of Books*, Vol.29, No 12, June 2007, 13-15.
- [3] ВОЛОШИНОВ В.Н., *Марксизм и философия языка*, Ленинград: Прибой, 1930.
- [4] Derrida Jacques, "Différance", *Literary Theory: An Anthology*, Ed. Julie Rivkin and Michael Ryan. Malden: Blackwell, 1998. 385-407.

Tài liệu tham khảo khác

Tiếng Anh

- [5] Austin J. L., "How to Do Things with Words.", *Literary Theory: An Anthology*, Ed. Julie Rivkin

- and Michael Ryan. Malden: Blackwell, 1998. 96-100.
- [6] Bakhtin Mikhail M., *The Bakhtin Reader*, Ed. Pam Morris. London: Arnold, 2001.
- [7] De Man Paul, "Semiology and Rhetoric.", *Criticism: Major Statements*, Ed. Charles Kaplan and William Davis Anderson. Boston: Bedford/St. Martin's, 2000, 559-572.
- [8] Lyotard Jean-Francois, *The Postmodern Condition: A Report on Knowledge*, Trans. Geoff Bennington and Brian Massumi. Minneapolis: U of Minnesota P, 1979.
- [9] Marx Karl, *The German Ideology*, New York: International, 1965.
- [10] Bakhtin M.M./Medvedev, *The Formal Method in Literary Scholarship*, Trans. A. J. Wehrle. Cambridge: Harvard University Press, 1985.
- [11] Bakhtin M.M/ Voloshinov, V. N., *Freudianism: A Critical Sketch*, Trans. I. R. Titunik. Bloomington and Indianapolis: Indiana University Press, 1987.

Tiếng Nga

- [12] ВОЛОШИНОВ В.Н., *Фрейдизм. Критический очерк*, Государственное изд-во, М.—Л., 1927.
- [13] Медведев П.Н. (М.М.Бахтин), *Формальный метод в литературоведении*, (Критическое введение в социологическую поэтику).— Л.: Прибой, 1928.

Tiếng Việt

- [14] Ngô Tự Lập, *Văn chương như là quá trình dựng diễn*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội, 2008.

Bakhtinian philosophy of language

Ngo Minh Thủy¹, Ngo Tu Lap²

¹*Faculty of Oriental Languages and Cultures, University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*International school, Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

In the literature on philosophy of language, that is quite limited, the works by the Bakhtin Circle – especially V.N. Voloshinov's "Marxism and the Philosophy of Language", - are among the most important. Since it was translated into Western languages in the 1970s, the theory of language developed by the Bakhtinian Circle has become increasingly influential. This paper attempts to analyze the Bakhtinian approach to language the above mentioned work by V.N. Voloshinov.

Key words: philosophy of language, Bakhtin, Voloshinov, Bakhtin circle, linguistic dialogism.